

UNIT 18 – THE WEATHER

.....	: (adj) ẩm áp
.....	: (adj) ẩm, ẩm ướt
.....	: (adj) có gió
.....	: (adj) có mây
.....	: (adj) có mưa
.....	: (adj) có tuyết rơi
.....	: (adj) khô, ráo
.....	: (adj) lạnh lẽo
.....	: (adj) mát mẻ, mát
.....	: (adj) nặng (mưa, tuyết)
.....	: (adj) nóng
.....	: (adj) trời có nắng
.....	: (n) ao hồ, hồ bơi
.....	: (n) bão tuyết
.....	: (n) cơn bão, trận bão
.....	: (n) thời tiết
.....	: (v) bơi lội

.....	: (v) mưa
.....	: (v) ướt, ẩm ướt
.....	: dự báo thời tiết
.....	: hi vọng, mong chờ, dự đoán
.....	: không cách nào
.....	: mặc thứ gì vào
.....	: máy điều hòa
.....	: nhiệt độ cao
.....	: nhiệt độ giảm
.....	: nhiệt độ thấp
.....	: nhớ mang thứ gì vào
.....	: rời khỏi nhà
.....	: trận chiến banh tuyết
.....	: trở nên ấm hơn
.....	: trở nên mát hơn